TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MỸ** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 33 /2021/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** ---------- *Yên Mỹ,* ngày 02 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2021 giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết, sinh năm 1988.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Bình, sinh năm 1980.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 18/9/2011.

Đều trú tại: Thôn Th, xã Th, huyện Y, tỉnh H.

4/ Người bảo vệ quyền và lợi ích cho cháu An: Bà Lê Thị Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 147; 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quốc B.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quốc B cùng thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quốc B cùng xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 18/9/2011, hiện tại chị Tuyết không có thai nghén gì. Ly hôn hai bên thỏa thuận theo nguyện vọng của cháu A, nên giao chị T

được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quốc A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác, anh B không phải đóng góp phí tổn nuôi cháu A cho chị T, anh B được quyền đến thăm, gặp gỡ và chăm sóc cháu A, chị T và mọi người không ai được ngăn cấm và cản trờ.

- *Về công sức:* Chị Trần Thị T xác định không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nhà anh B nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quốc B xác nhận vợ chồng xây một ngôi nhà cấp 4 trên đất của bố mẹ anh B, nay ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay, đất nông nghiệp không liên quan đến nhau, do vậy cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Tuyết đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003432 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, chị T đã nộp đủ tiền án phí. Hoàn trả chị Tuyết 150.000 đồng(*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THA DS huyện Yên Mỹ;
- UBND xã T, huyện Y;
- Lưu.

Thẩm phán

Ngô Xuân Quỳnh